

THÔNG BÁO

**Danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1
kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch
chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và
các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021**

Căn cứ Kế hoạch số 95-KH/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tổ chức thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021; Quyết định số 447-QĐ/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021; Quyết định số 713-QĐ/TU, ngày 28/6/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021;

Hội đồng thi nâng ngạch công chức thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1 cụ thể như sau:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

Danh sách cụ thể gửi kèm theo Quyết định số 713-QĐ/TU, ngày 28/6/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Triệu tập thí sinh

2.1. Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.

2.2. Nội dung thi: Gồm 02 phần:

- Phần I. Kiến thức chung:

+ Nội dung: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của ngạch dự thi;

+ Thời gian thi: 60 phút.

- Phần II. Ngoại ngữ Tiếng Anh:

+ Số lượng câu hỏi: 30 câu.



+ Nội dung: 30 câu hỏi môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

+ Thời gian thi: 30 phút.

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Công chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;

+ Công chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

+ Công chức có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

+ Công chức có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

2.3. Cách thức tổ chức thi:

- Danh sách thí sinh tham gia các ca thi được xếp theo thứ tự A, B, C của tên thí sinh.

- Trong một ca thi, thí sinh phải làm 02 phần thi liên tục: Phần thi Kiến thức chung 60 phút và phần thi Ngoại ngữ 30 phút (trừ các trường hợp được miễn phần thi ngoại ngữ theo quy định).

- Kết quả sẽ được thông báo (trên máy vi tính của thí sinh) ngay sau khi kết thúc mỗi phần thi. Thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi của mỗi phần thi trở lên thì được thi tiếp vòng 2.

- *Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.*

3. Thời gian, địa điểm tổ chức thi:

- Thời gian thi: 01 ngày **09/7/2022** (thứ Bảy)

- Địa điểm: Trường Chính trị Tô Hiệu (số 01 đường Nguyễn Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

- Thí sinh thi theo từng ca thi, thời gian của từng ca thi được Hội đồng thi nâng ngạch niêm yết tại địa điểm thi trước ít nhất 01 ngày làm việc theo quy định.

4. Nộp phí thi tuyển: Theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Mức phí: 700.000 đồng/thí sinh.



- Cách thức nộp phí: Ban Tổ chức Thành ủy (đ/c Hương, kế toán, điện thoại 0913265474).

- Thời gian nộp phí: Hoàn thành trước khi thí sinh dự thi vòng 1.

5. Về việc phòng, chống dịch Covid - 19

Đề nghị tất cả thí sinh thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Trung ương và thành phố Hải Phòng về phòng, chống dịch Covid - 19 trong tình hình hiện nay.

Lưu ý đối với thí sinh:

- Tự kiểm tra thông tin cá nhân theo danh sách đủ điều kiện Hội đồng thi nâng ngạch công chức đã thông báo; mọi kiến nghị đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức Thành ủy (cơ quan thường trực của Hội đồng thi nâng ngạch công chức), số điện thoại: 080.31138 trước ngày 08/7/2022.

- Thông tin liên quan đến kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021 được đăng tải thường xuyên trên Website của Thành ủy địa chỉ: <http://www.hph.dcs.vn>.

- Thí sinh dự thi mang theo Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị kiểm tra trước khi vào phòng thi.

Hội đồng thi nâng ngạch công chức thông báo để cá nhân, tổ chức có liên quan biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- TTTU (để báo cáo),
- Như trên,
- Thành viên HĐTNN,
- Trưởng Ban Giám sát,
- Các cơ quan, địa phương có thí sinh dự thi,
- VPTU, Báo HP điện tử,
- Lưu: Ban Tổ chức Thành ủy.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC THÀNH ỦY

kiêm

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đào Trọng Đức



THÀNH ỦY HẢI PHÒNG

*

Số 713-QĐ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021

- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Quy định số 499-QĐ/TU, ngày 30/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

- Căn cứ Kế hoạch số 95-KH/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021;

- Xét đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch công chức tại Tờ trình số 693 - TTtr/HĐTNCC ngày 23/6/2022,

BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách 69 cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2021 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi nâng ngạch công chức thông báo triệu tập cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và tổ chức kỳ thi đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Hội đồng thi nâng ngạch công chức, Ban Tổ chức Thành ủy, Văn phòng Thành ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Trần Lưu Quang

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG
BAN TỔ CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2022

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH
CƠ QUAN ĐĂNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 713 -QĐ/TU, ngày 28/6/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy)

STT tổng	ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, đề tài	Được miễn thi Ngoại ngữ	Đang ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ luận chính trị	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ					
		Quận ủy Hồng Bàng																
1	1	Lê Tâm	8/15/1984		Chánh Văn phòng	Văn phòng quận Hồng Bàng	124 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CVC	VP	Ths nước ngoài	x	Miễn			
		Quận ủy Ngô Quyền																
2	1	Trịnh Quang Trưởng	7/30/1979		Phó Bí thư Thường trực Quận ủy, Chủ tịch HĐND quận	Quận ủy Ngô Quyền	145 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	CVC	ĐH	CN	x	Miễn			
3	2	Vũ Khánh Tùng	2/4/1975		Bí thư Đảng ủy Phường Gia Viên	Quận ủy Ngô Quyền	189 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	CVC	B	Anh C	x		Tiếng Anh	tại thời điểm đăng kỳ dự thi là CVP Quận ủy	
4	3	Đào Thị Hào		8/17/1984	Phó Trưởng Ban Dân vận	Quận ủy Ngô Quyền	117 tháng	01.003	3,66	Đại học	CVC	B	B	x		Tiếng Anh		
		Quận ủy Lê Chân																
5	1	Nguyễn Thị Thu Phương		10/1/1977	UVQU, Chủ tịch Hội LHPN	Quận Lê Chân	176 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	CVC	VP	Anh B1	x		Tiếng Anh		
6	2	Vũ Thị Việt Hà		3/19/1970	UVQU, PCT UBMTTQVN quận	Quận Lê Chân	226 tháng	01.003	4,98+7 %TNVK	Đại học; Thạc sỹ	CVC	VP	Anh C	x		Tiếng Anh		
7	3	Lê Quang Đồng	11/15/1980		UVQU, Chánh VP Quận ủy	Quận Lê Chân	133 tháng	01.003	3,99	Đại học	CCLLCT-HC		VP	Anh C	x		Tiếng Anh	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, đề tài	Được miễn thi Ngoại ngữ	Đã ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ				
		Quận ủy Hải An																
8	1	Nguyễn Anh Tuấn	12/5/1987		Phó Bí thư Thường trực QU	Quận ủy Hải An	140 tháng	01.003	3,33	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Ths nước ngoài	x	Miễn		
9	2	Dương Thị Nguyễn		6/29/1981	Phó Chủ tịch Hội LHPN	Quận ủy Hải An	124 tháng	01.003	3,66	Đại học	TC	CVC	VP	Anh B	x		Tiếng Anh	
		Quận ủy Kiến An																
10	1	Lê Toàn Khánh	10/8/1990		Phó Bí thư Thường trực QU	Quận ủy Kiến An	124 tháng	01.003	3,33	Đại học	CC	CVC	UD	ĐH nước ngoài	x	Miễn		
11	2	Đỗ Thị Ngần		8/13/1978	Phó Trưởng Ban Tổ chức-Nội vụ quận	Quận ủy Kiến An	149 tháng	01.003	3,66	Đại học	TC	CVC	VP B	Anh C	x		Tiếng Anh	
		Quận ủy Đồ Sơn																
12	1	Vũ Văn Thương	3/21/1974		TBDV, Chủ tịch UBNDTTQ quận	Quận Đồ Sơn	202 tháng	01.003	4,65	Đại học; Thạc sỹ	CCLLCT-HC		VP	Anh B1	x		Tiếng Anh	
13	2	Hoàng Thị Thu Trang		01/9/1980	Chủ tịch Hội LHPN quận	Quận Đồ Sơn	179 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	Anh C	x		Tiếng Anh	
14	3	Nguyễn Quốc Hưng	12/10/1980		Chánh Văn phòng Quận ủy	Quận Đồ Sơn	128 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	Anh C	x		Tiếng Anh	Bổ sung khỏi CQ sang
		Quận ủy Dương Kinh																
15	1	Nguyễn Khắc Hưng	2/15/1979		Phó Trưởng Ban Tuyên giáo	Quận ủy Dương Kinh	139 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	CC*	CVC	VP B	Anh B1	x		Tiếng Anh	
16	2	Phạm Thị Minh Phương		8/25/1981	Phó Chủ tịch Hội PN Quận	Quận ủy Dương Kinh	128 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B	x		Tiếng Anh	
		Huyện ủy Thủy Nguyên																
17	1	Hoàng Văn Quang	12/27/1975		Chánh Văn phòng	Huyện ủy Thủy Nguyên	202 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	CCLLCT-HC		C	Anh C	x		Tiếng Anh	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, đề tài	Được miễn thi Ngoại ngữ	Đăng ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ				
18	2	Nguyễn Văn Hiếu	11/11/1970		Bí thư Đảng ủy xã An Lư	Huyện ủy Thủy Nguyên	165 tháng	01.003	4,98	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP B	ĐH	x	Miễn	tại thời điểm đăng ký dự thi Phó Ban TCHU	
		Huyện ủy An Dương																
19	1	Nguyễn Văn Phúc	05/5/1976		UVBTV, Huyện ủy, TBTC, Giám đốc Trung tâm CT huyện	Huyện ủy An Dương	173 tháng	01.003	4,32	Đại học; Thạc sỹ	Cao cấp LLCT	CVC	B	Anh B1	x	Tiếng Anh		
		Huyện ủy An Lão																
20	1	Trần Văn Tuấn	1/15/1966		Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND huyện	Huyện ủy An Lão	220 tháng	01.003	4,98+5 %TNVK	Đại học; Thạc sỹ	CCLLCT-HC		B	Anh B1	x	Tiếng Anh		
21	2	Ngô Văn Cường	10/4/1976		Phó Trưởng Ban Tuyên giáo	Huyện ủy An Lão	195 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	TC	CVC	UD	Anh B	x	Tiếng Anh		
22	3	Nguyễn Khắc Thùy	11/8/1979		Phó Chánh Văn phòng	huyện An Lão	114 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	TC	CVC	B	Anh B	x	Tiếng Anh		
		Huyện ủy Kiến Thụy																
23	1	Phạm Thị Thanh		10/4/1976	Chủ tịch Hội Nông dân	Juyện ủy Kiến Thụy	145 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	Anh C	x	Tiếng Anh		
24	2	Trịnh Thị Thu Huyền		02/9/1981	Phó Trưởng ban Tổ chức-Nội vụ	Huyện ủy Kiến Thụy	136 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B1	x	Tiếng Anh		
25	3	Nguyễn Văn Hình	26/8/1976		Phó Trưởng ban Tổ chức-Nội vụ	Huyện ủy Kiến Thụy	146 tháng	01.003	4,65	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B1	x	Tiếng Anh		
26	4	Nguyễn Văn Quyết	02/6/1983		Chánh Văn phòng	Huyện ủy Kiến Thụy	149 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B	x	Tiếng Anh		
27	5	Nguyễn Tân Phong	19/11/1970		Phó Trưởng ban Dân vận	Huyện ủy Kiến Thụy	284 tháng	01.003	4,65	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	ĐH	x	Miễn		
		Huyện ủy Tiên Lãng																
28	1	Lê Bảo Ngọc	3/16/1978		Phó Trưởng ban Dân vận	Huyện ủy Tiên Lãng	155 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B1	x	Tiếng Anh		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, đề tài	Được miễn thi Ngoại ngữ	Đăng ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ				
29	2	Nguyễn Trọng Tuấn	10/10/1977		Phó Chánh Văn phòng	Huyện ủy Tiên Lãng	192 tháng	01.003	4,98	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B1	x		Tiếng Anh	
30	3	Mai Đàm Thanh Vân		6/19/1985	Bí thư Huyện đoàn	Huyện đoàn Tiên Lãng	127 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B	x		Tiếng Anh	
31	4	Đoàn Thị Thủy		1/9/1975	Phó Trưởng ban Dân vận	Huyện ủy Tiên Lãng	152 tháng	01.003	4,65	Đại học; Thạc sỹ	CC*	CVC	UD	Anh B	x		Tiếng Anh	
32	5	Nguyễn Thị Hoài		3/17/1980	Phó Ban Tuyên giáo	Huyện ủy Tiên Lãng	125 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	UD	Anh B	x		Tiếng Anh	
33	6	Trần Thị Loan		8/7/1980	Phó Chủ tịch Hội LHPN	Huyện Tiên Lãng	149 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC*	CVC	UD	Anh C	x		Tiếng Anh	
		Huyện ủy Vĩnh Bảo																
34	1	Phạm Đình Quý	3/7/1974		Trưởng Ban Tổ chức	Huyện ủy Vĩnh Bảo	200 tháng	01.003	4,65	Đại học	CC	CVC	UD	Anh C	x		Tiếng Anh	
		Huyện ủy Cát Hải																
35	1	Nguyễn Cảnh Thu	3/10/1978		Trưởng Ban Tổ chức	Huyện ủy Cát Hải	163 tháng	01.003	3,99	ĐH	CC	CVC	B	Anh B	x		Tiếng Anh	
36	2	Phạm Thanh Sơn	12/24/1980		Phó Ban Tổ chức	Huyện ủy Cát Hải	155 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	B	Anh B1	x		Tiếng Anh	
		Văn phòng Thành ủy																
37	1	Trần Thị Thanh Huyền		20/8/1980	Giám đốc Nhà khách Thành ủy	Văn phòng Thành ủy	158 tháng	01.003	3,99	Đại học	CC	CVC	VP	Anh C	x		Tiếng Anh	
38	2	Trần Thế Thông	03/11/1989			Văn phòng Thành ủy	119 tháng	01.003	3,33	ĐH	CC	CVC	A	B	x		Tiếng Anh	
39	3	Nguyễn Thu Hương		3/2/1980	Chuyên viên Phòng Tổng hợp	Văn phòng Thành ủy	154 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	B	ĐH	x	Miễn		
40	4	Nguyễn Hồng Quân	03/4/1980		Chuyên viên Phòng Tổng hợp	Văn phòng Thành ủy	158 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	B	ĐH	x	Miễn		

STT tổng	ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương trung đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, đề tài	Được miễn thi Ngoại ngữ	Đáng ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ				
41	5	Phạm Tuấn Anh	03/4/1981		Chuyên viên Phòng Tổng hợp	Văn phòng Thành ủy	158 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	B	B1 (châu Âu)	x		Tiếng Anh	
42	6	Đoàn Duy Thành	09/02/1982		Chuyên viên Phòng Tổng hợp	Văn phòng Thành ủy	172 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	Anh B1	x		Tiếng Anh	
43	7	Nguyễn Thị Thu Hiền		17/10/1982	Chuyên viên Phòng Tổng hợp	Văn phòng Thành ủy	172 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CCLLCT-HC		B	Anh B	x		Tiếng Anh	
44	8	Đào Phú Thịnh	29/01/1981		Phó Giám đốc Trung tâm CNTT	Văn phòng Thành ủy	149 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC*	CVC	KS	Anh B1	x		Tiếng Anh	
45	9	Trần Thị Tuyết Thương		10/05/1979	Chuyên viên phòng Quản trị	Văn phòng Thành ủy	158 tháng	01.003	3,66	CN	TC	CVC	UD	Anh C	x		Tiếng Anh	
46	10	Đặng Thị Vân		26/4/1981	Chuyên viên Phòng Tài chính Đảng,	Văn phòng Thành ủy	127 tháng	01.003	3,33	Đại học; Thạc sỹ	TC	CVC	VP	Anh B1	x		Tiếng Anh	
47	11	Đỗ Thị Hồng		7/1/1983	Chuyên viên Phòng Tổng hợp	Văn phòng Thành ủy	142 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	Ths nước ngoài	x	<u>Miễn</u>		
		Ban Tổ chức Thành ủy																
48	1	Phùng Thị Ngọc Thu		17/5/1979	Chuyên viên Phòng TCD-ĐV	Ban Tổ chức Thành ủy	116 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	ĐH	x	<u>Miễn</u>		
49	2	Lê Thị Thu Hồng		9/28/1987	Chuyên viên Phòng TCCB	Ban Tổ chức Thành ủy	124 tháng	01.003	3,33	Đại học; Thạc sỹ	TC	CVC	UDCB	Anh B1	x		Tiếng Anh	
50	3	Nguyễn Thị Diệu Linh		16/11/1980	Chuyên viên Phòng TCCB	Ban Tổ chức Thành ủy	155 tháng	01.003	3,66	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	ĐH	x	<u>Miễn</u>		
		Ban Tuyên giáo Thành ủy																
51	1	Phạm Thị Bích Thủy		09/7/1974	PTP Văn hóa- Văn nghệ và Dư luận XH	Ban Tuyên giáo Thành ủy	131 tháng	01.003	4,65	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	B	Anh C	x		Tiếng Anh	
52	2	Nguyễn Văn Duân	16/10/1976		TP Tổng hợp, Ban TGTU	Ban Tuyên giáo Thành ủy	132 tháng	01.003	4,65	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	VP	Anh C	x		Tiếng Anh	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Được miễn thi Ngoại ngữ	Đang ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ			
53	3	Nguyễn Đăng Thịnh	23/3/1976		CV Phòng LLCT và Lịch sử Đảng	Ban Tuyển giáo Thành ủy	170 tháng	01.003	3,99	Đại học; Thạc sỹ	CC	CVC	B	Anh C	x	Tiếng Anh	
		Ban Dân vận Thành ủy															
54	1	Phạm Hồng Doan	10/3/1977		PTP Tôn giáo, DT và Tổng hợp	Ban Dân vận Thành ủy	128 tháng	01.003	4,65	ĐH, Ths quản lý KT	CC	CVC	A	Anh B1	x	Tiếng Anh	
55	2	Đào Trung Kiên	20/7/1983		PTP Tôn giáo, DT và Tổng hợp	Ban Dân vận Thành ủy	150 tháng	01.003	3,66	CN tin học CN Luật	CC	CVC	CN	Anh C	x	Tiếng Anh	
56	3	Trần Thị Ngoan		15/10/1976	PTP Đoàn thể và các Hội	Ban Dân vận Thành ủy	146 tháng	01.003	3,99	ĐH; Ths	CC	CVC	UD	Anh C	x	Tiếng Anh	
57	4	Trần Thị Hồng Vân		16/5/1986	PTP Dân vận các CQNN	Ban Dân vận Thành ủy	137 tháng	01.003	3,66	CN hành chính; CN Luật	CC	CVC	TC	Anh B	x	Tiếng Anh	
		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN thành phố															
58	1	Lê Thiên Hà	30/3/1974		Phó Ban Phong trào	UBMTTQ VN TP	134 tháng	01.003	4,65	CN KT	CC	CVC	UD	Anh C	x	Tiếng Anh	
59	2	Đặng Kiên Trung	13/02/1974		Phó Ban Phong trào	UBMTTQ VN TP	108 tháng	01.003	4,65	CN Ths QLGD	CC	CVC	CN	Anh B	x	Tiếng Anh	
		Hội Liên hiệp Phụ nữ TP															
60	4	Hoàng Thị Chính		02/8/1973	PTB xây dựng tổ chức	Hội LHPN Thành phố	200 tháng	01.003	4,32	Đại học	CC	CVC	B	Anh B	x	Tiếng Anh	
61	2	Nguyễn Cẩm Thùy		29/11/1982	Phó Chánh VP, Hội LHPN TP	Hội LHPN Thành phố	134 tháng	01.003	3,66	Đại học	CC	CVC	VP	ĐH	x	Miễn	
62	3	Vũ Thị Bích Thủy		20/3/1983	Phó Trưởng Ban GD , XH - Kinh tế	Hội LHPN Thành phố	134 tháng	01.003	3,66	Đại học	CC	CVC	UD	Anh C	x	Tiếng Anh	
		Hội Nông dân thành phố															
63	1	Nguyễn Hồng Hưng		19/10/1980	Phó Chủ tịch Hội Nông dân TP	Hội Nông dân thành phố	145 tháng	01.003	3,66	ĐH	CC	CVC	VP	Anh B	x	Tiếng Anh	
64	2	Nguyễn Ngọc Thoa		01/10/1979	Chánh Văn phòng	Hội Nông dân thành phố	129 tháng	01.003	3,99	ĐH	CC	CVC	VP	Anh B	x	Tiếng Anh	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, đề tài	Được miễn thi Ngoại ngữ	Đăng ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ					
		Liên đoàn lao động thành phố																
65	1	Lê Thị Minh		12/01/1974	Ủy viên BCH LĐLĐ TP, Chủ tịch LĐLĐ huyện Cát Hải	LDLĐ thành phố	202 tháng	01.003	4,98+10 %TNVK	CN Ths	CC	CVC	B	Anh B1	x		Tiếng Anh	
66	2	Nguyễn Thị Hương		11/7/1976	Ủy viên BCH LĐLĐ TP, Chủ tịch LĐLĐ huyện Tiên Lãng	LDLĐ thành phố	176 tháng	01.003	4,32	ĐH Ths	CC	CVC	UD	Anh B1	x		Tiếng Anh	
67	3	Nguyễn Huy Thắng	12/11/1970		Ủy viên BCH LĐLĐ TP, Chủ tịch LĐLĐ quận Ngõ Quyền	LDLĐ thành phố	202 tháng	01.003	4,98	ĐH Ths	CC	CVC	UD	Anh B	x		Tiếng Anh	
68	4	Nguyễn Quang Huy	10/10/1976		Phó trưởng ban Tổ chức, LĐLĐ thành phố	LDLĐ thành phố	176 tháng	01.003	4,98	Cử nhân Ths	CC	CVC	UD	Anh B1	x		Tiếng Anh	
		Đảng ủy Khối Doanh nghiệp																
69	1	Nguyễn Văn Thụ	16/02/1975		Phó Bí thư ĐU Khối Doanh nghiệp thành phố	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp TP	209 tháng	01.003	4,32	ĐH Ths	CCLLCT-HC		B	Anh C	x		Tiếng Anh	

Tổng hợp chung: Tổng số **69** người đủ điều kiện dự thi nâng ngạch CVC, trong đó: **12** người miễn thi Tiếng Anh do có bằng ĐH Tiếng Anh hoặc bằng ĐH, Thạc sỹ ở nước ngoài.